

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 846 /CĐKTXD-TCHC Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025
Về đề xuất nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách thành phố năm 2026

Kính gửi: Sở Tài chính.

Thực hiện Công văn số 5794/STC-HCSN ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Sở Tài chính về đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách thành phố năm 2026.

Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá tình hình thực hiện quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 trong thời gian qua (giai đoạn 2023 – 2025) là phù hợp. Tuy nhiên, việc mua sắm tập trung chưa thực hiện được nên Trường không giải ngân được dự toán được giao. Trường đề xuất hỗ trợ giải ngân mua sắm tập trung để đảm bảo giải ngân hiệu quả dự toán đã được cấp.

Đính kèm:

- Biểu số 01: Chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố năm 2026
- Biểu số 02: Chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố năm 2026
- Biểu số 06: Chi sự nghiệp giáo dục cấp Thành phố năm 2026

Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh kính trình
Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.TC-HC.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Nguyễn Tùng Lâm



CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2023		Năm 2024		Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)	So sánh năm 2026 với năm 2025		Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Dự toán	Thực hiện			Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4	5	7	8	9	10
	Tổng cộng									
1	Chi trợ giá theo chính sách									
2	Chi hoạt động kinh tế									
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường									
4	Chi sự nghiệp giáo dục	17.844	15.667	24.385	23.256	35.813	33.908	94,68%	-1.905	
5	Chi sự nghiệp y tế									
6	Chi SN văn hóa thông tin									
7	Chi SN phát thanh truyền hình									
8	Chi SN thể dục thể thao									
9	Chi khoa học công nghệ									
10	Chi đảm bảo xã hội									
11	Chi quản lý hành chính									
12	Chi an ninh quốc phòng									
13	Chi khác ngân sách									
14	Chi thi đua khen thưởng									
....										
....										

Handwritten signatures and initials.



CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Dvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Chi trợ giá theo chính sách	Chi hoạt động kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục	Chi sự nghiệp y tế	Chi SN văn hóa thông tin	Chi SN phát thanh truyền hình	Chi SN thể dục thể thao	Chi khoa học công nghệ	Chi đảm bảo xã hội	Chi quản lý hành chính	Chi an ninh quốc phòng	Chi khác ngân sách	Chi thi đua khen thưởng		Tổng cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		15=1+...+14+....
	Tổng cộng																
1	Sở Giáo dục - Đào tạo				33.908												33.908
2	Sở																
3	Sở																
4	Sở																
.....																	
.....																	
.....																	

Ty *Seve*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIẾN TRÚC - XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2026

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)			So sánh năm 2026 với năm 2025		Ghi chú
			Số lượng	Định mức	Dự toán	Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6	7
	Tổng cộng	35.813			33.908	94,68%	-1.905	
1	Nhiệm vụ chi thường xuyên (tự chủ)	13.101	85		13.550	103,43%	449	1.Phương pháp tính: - VC: 85 người (HSL:285,87 + PCCV: 8,85 + PCVKL: 1,943 + PCUDGV: 36,046) x mức lương cơ bản 2,34 tr đồng x 12 tháng *1,235 (các khoản đóng góp) 2.Cơ sở pháp lý: thông tư 56/2025/TT-BTC 25/6/2025 3.Thuyết minh: giảm số lượng 04 VC so với năm 2025; tăng chi phí do giá điện, nước và chi phí khác so với 2024..
2	Nhiệm vụ chi thường xuyên (không tự chủ)	22.712			20.358	89,64%	-2.354	
	- Chi cấp bù miễn giảm học phí theo NĐ	4.400	549	10,4	5.700	129,55%	1.300	1.Phương pháp tính: - 549 hssv x 10,4 tr đồng (mức học phí bình quân) 2.Cơ sở pháp lý: NĐ 81/2021/NĐ-CP 27/8/2021 và Danh mục thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH 15/6/2023; + Khoản 3 điều 15 (mở cõi); + Khoản 17 điều 15 (tốt nghiệp PTCS) + Mục b khoản 1 điều 16 (DM nghề học nặng nhọc); + Mục c khoản 1 điều 16 (người dân tộc, vùng ĐB khó khăn) 3.Thuyết minh: mức thu học phí tăng so với năm học 2024-2025
	- Chi thực hiện chính sách nội trú theo QĐ53	25	2	17,5	35	140%	10	1.Phương pháp tính: (1sv/HK2 x 6 tháng x 2,34 tr x 80%)+(2sv/HK1 x 6 tháng x 2,34 tr x 80%) + (1sv x 1tr) + (2sv x 0,3 tr) 2.Cơ sở pháp lý: QĐ 53/2015/QĐ-TTg 20/10/2015; - Mục b khoản 1 điều 3: Mức hỗ trợ học bổng chính sách 80%/ lương cơ sở 2,34 triệu đồng (2sv); - Mục a khoản 2 điều 3: Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân 1triệu đồng (1sv); - Mục c khoản 2 điều 3: Hỗ trợ đi lại 0,3 triệu đồng (2sv); - Khoản 3 điều 4: Thời gian hưởng học bổng chính sách 12 tháng 3.Thuyết minh: tăng thêm 1sv so với năm 2025
	- Chi mua sắm tài sản, TTB CSVC, SC	585			780	133%	195	1.Cơ sở pháp lý: QĐ 15/2025/QĐ-TTg 14/6/2025 2.Thuyết minh: tăng thêm do sửa chữa một phần hệ thống ống ngầm PCCC bị sụt lún của nền đất khuôn viên trường và tăng mua sắm tài sản, thiết bị văn phòng theo QĐ15/2025

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Năm 2026 (theo phương án đề xuất)			So sánh năm 2026 với năm 2025		Ghi chú
			Số lượng	Định mức	Dự toán	Tương đối	Tuyệt đối	
A	B	1	2	3	4=2*3	5	6	7
	- Chi CNTT theo cơ chế đặc thù	17.036	100		13.035	77%	-4.001	<u>1.Phương pháp tính:</u> - VC: 85 người (HSL:285,87 + PCCV: 8,85 + PCVKL: 1,943) x mức lương cơ bản 2,34 tr đồng x hệ số CNTT: 1,5 x 12 tháng - NLĐ: 15 người x 3 tr đồng x 12 tháng <u>2.Cơ sở pháp lý:</u> NO98/2023/OH15 24/6/2023 và NO27/2025/NO-HĐND 28/8/2025 <u>3.Thuyết minh:</u> giảm số lượng 04 VC so với năm 2025
	- Chi tiền thưởng theo ND73	666	85		808	121%	142	<u>1.Phương pháp tính:</u> - VC: 85 người (HSL:285,87 + PCVKL: 1,943) x mức lương cơ bản 2,34 tr đồng x 10% <u>2.Cơ sở pháp lý:</u> ND73/2024/NĐCP 30/6/2024 <u>3. Thuyết minh:</u> do hệ số lương tăng so với năm 2025

7/ June